

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT
V/v báo cáo quyết toán kinh phí
hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi,
thủy sản bị thiệt hại do thiên tai
gây ra năm 2018 và 2019 trên
địa bàn tỉnh Bình Định

Bình Định, ngày tháng năm 2020

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai dịch bệnh;

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo quyết toán của UBND các huyện, thị xã, thành phố kinh phí hỗ trợ thiệt hại về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018 và 2019; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT kinh phí hỗ trợ về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018 và 2019 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Kinh phí hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018 trên địa bàn tỉnh:

- Tổng kinh phí quyết toán: 30.631,94 triệu đồng;
- + Ngân sách Trung ương hỗ trợ (70%): 21.442,36 triệu đồng;
- + Ngân sách địa phương đảm bảo (30%): 9.189,58 triệu đồng.

2. Kinh phí hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2019 trên địa bàn tỉnh:

- Tổng kinh phí quyết toán: 38,44 triệu đồng;
- + Ngân sách Trung ương hỗ trợ (70%): 26,91 triệu đồng;
- + Ngân sách địa phương đảm bảo (30%): 11,53 triệu đồng.

3. Xử lý nguồn kinh phí:

Theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do thiên tai dịch bệnh thì Bình Định được ngân sách Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương 70% kinh phí quyết toán. Do đó, UBND tỉnh Bình Định đề nghị ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương với số tiền **21.469,27 triệu đồng**.

(Chi tiết theo các phụ lục kèm theo)

UBND tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT quan tâm giải quyết./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Vụ Ngân sách NN - BTC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, NN&PTNT;
- PVPVX;
- Lưu: VT, K7, K10, K13.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu

Phụ lục 1
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI
(Trong vụ Thu 2018 và vụ Đông Xuân 2018 - 2019)

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày /4/2020 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: ha, triệu đồng

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	TỔNG HỢP THIẾT HẠI THỰC CHI											KINH PHÍ QUYẾT TOÁN					Đề nghị NSTW hỗ trợ
		Tổng giá trị thiệt hại	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%					DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30%-70%					Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó				
			Lúa thuần	Lúa lai	Ngô và rau màu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả lâu năm	Lúa thuần	Lúa lai	Ngô và rau màu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả lâu năm		NSTW hỗ trợ 70%	NSDP đảm bảo 30%	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền	
	TỔNG SỐ	27.635,8	13.063,8	256,8	127,2	100,0	0,0	0,0	27,5	13,8	14,3	0,0	27.635,77	19.345,04	8.290,73	0,00	0,00	19.345,04
1	TP Quy Nhơn	1.681,58	840,79	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.681,58	1.177,11	504,47	0	0	1.177,11
2	Thị xã An Nhơn	3.333,92	1.666,96	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.333,92	2.333,75	1.000,18	0	0	2.333,75
3	Huyện Tuy Phước	5.084,91	2.542,45	0	0	0	0	0	0	0	0,00	0,0	5.084,91	3.559,44	1.525,47	0	0	3.559,44
4	Huyện Phù Cát	7.442,84	3.486,11	0,00	114,90	49,60	0	0	0	13,83	14,30	0,0	7.442,84	5.209,99	2.232,85	0	0	5.209,99
5	Huyện Phù Mỹ	5.407,83	2.703,92	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.407,83	3.785,48	1.622,35	0	0	3.785,48
6	Huyện Hoài Nhơn	4.051,80	1.767,90	172,00	0	0	0	0	0	0	0,00	0,0	4.051,80	2.836,26	1.215,54	0	0	2.836,26
7	Huyện Vĩnh Thạnh	62,18	31,09	0	0	0	0	0	0	0	0	0	62,18	43,52	18,65	0	0	43,52
8	Huyện An Lão	570,72	24,61	84,76	12,32	50,35	0	0	27,45	0	0,00	0,0	570,72	399,50	171,21	0	0	399,50

Phụ lục 2

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIỐNG VẬT NUÔI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2018**

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày /4/2020 của UBND tỉnh Bình Định)

DVT: con, triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng giá trị thiệt hại	TỔNG HỢP THIẾT HẠI THỰC CHI										KINH PHÍ QUYẾT TOÁN						Đề nghị NSTW hỗ trợ
			Gia cầm đến 28 ngày tuổi	Gia cầm trên 28 ngày tuổi	Lợn đến 28 ngày tuổi	Lợn trên 28 ngày tuổi	Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi	Dê, cừu	Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó					
														NSTW hỗ trợ 70%	NSDP đảm bảo 30%	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền		
	TỔNG SỐ	2.976,17	13.958	80.230	345	277	12	0	0	1	1	28	2.976,17	2.083,32	892,85	0	0	2.083,32	
1	Thị xã An Nhơn	1.265,81	0	35.987	0	266	0	0	0	0	0	0	1.265,81	886,07	379,74	0	0	886,07	
2	Huyện Phù Cát	1.710,36	13.958	44.243	345	11	0	0	0	1	1	21	1.710,36	1.197,25	513,11	0	0	1.197,25	

Phụ lục 3
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NUÔI TRỒNG THỦY, HẢI SẢN ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2018

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày /4/2020 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: ha, triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	TỔNG HỢP THIẾT HẠI THỰC CHI							KINH PHÍ QUYẾT TOÁN					Đề nghị NSTW hỗ trợ
		Tổng giá trị thiệt hại	THIỆT HẠI ĐỐI VỚI NUÔI TRỒNG THỦY, HẢI SẢN						Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó				
			Thiệt hại hơn 70%			Thiệt hại từ 30- 70%				NSTW hỗ trợ 70%	NSDP đảm bảo 30%	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền	
			Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh	Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh	Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản						
	TỔNG SỐ	20,00		0,800					20,00	14,00	6,00	0,00	0,00	14,00
1	Thị xã An Nhơn	20,00		0,800					20,00	14,00	6,00	0	0	14,00

Phụ lục 4
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI VỤ HÈ THU NĂM 2019
(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày /4/2020 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: ha, triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	TỔNG HỢP THIẾT HẠI THỰC CHI											KINH PHÍ QUYẾT TOÁN					Đề nghị NSTW hỗ trợ
		Tổng giá trị thiệt hại	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%					DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30%-70%					Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó				
			Lúa thuần	Lúa lai	Ngô và rau màu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả lâu năm	Lúa thuần	Lúa lai	Ngô và rau màu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả lâu năm		NSTW hỗ trợ 70%	NSDP đảm bảo 30%	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền	
	TỔNG SỐ	38,4	6,6	6,9	0,3	0,0	0,0	1,4	1,6	0,0	0,0	0,0	38,4	26,9	11,5	0,0	0,0	26,9
1	TP Quy Nhơn	37,8	6,6	6,9	0	0	0	1,4	1,6	0	0	0	37,8	26,46	11,34	0	0	26,46
2	Huyện An Lão	0,65	0	0	0,325	0	0	0	0	0	0	0	0,65	0,46	0,20	0	0	0,46

Phụ lục 5

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT THIÊN TAI DO THIÊN TAI GÂY RA NĂM 2018 VÀ 2019

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày /4/2020 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng kinh phí NSNN hỗ trợ			Giống cây trồng năm 2018			Giống vật nuôi 2018			Giống thủy sản 2018			Giống cây trồng năm 2019		
		Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSĐP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSĐP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSĐP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSĐP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSĐP đảm bảo 30%
1	2	3=4+5	4=7+10+13+16	5=8+11+14+17	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	TỔNG SỐ	30.670,38	21.469,27	9.201,11	27.635,77	19.345,04	8.290,73	2.976,17	2.083,32	892,85	20,00	14,00	6,00	38,44	26,91	11,53
1	Thành phố Quy Nhơn	1.719,38	1.203,56	515,81	1.681,58	1.177,11	504,47	-			-			37,79	26,46	11,34
2	Thị xã An Nhơn	4.619,73	3.233,81	1.385,92	3.333,92	2.333,75	1.000,18	1.265,81	886,07	379,74	20,00	14,00	6,00	-		
3	Huyện Tuy Phước	5.084,91	3.559,44	1.525,47	5.084,91	3.559,44	1.525,47	-			-			-		
4	Huyện Tây Sơn															
5	Huyện Phù Cát	9.153,20	6.407,24	2.745,96	7.442,84	5.209,99	2.232,85	1.710,36	1.197,25	513,11	-			-		
6	Huyện Phù Mỹ	5.407,83	3.785,48	1.622,35	5.407,83	3.785,48	1.622,35	-			-			-		
7	Huyện Hoài Ân															
8	Huyện Hoài Nhơn	4.051,80	2.836,26	1.215,54	4.051,80	2.836,26	1.215,54	-			-			-		
9	Huyện Vân Canh															
10	Huyện Vĩnh Thạnh	62,18	43,52	18,65	62,18	43,52	18,65	-			-			-		
11	Huyện An Lão	571,37	399,96	171,41	570,72	399,50	171,21	-			-			0,65	0,46	0,20